Tạp chí Khoa học và Công nghệ Trường Đại học Công nghệ Đông Á

Đào tạo nhân lực du lịch cộng đồng gắn với bảo tồn giá trị văn hóa bản địa tại làng chài Nhơn Lý (Quy Nhơn)

Training Community-Based Tourism Human Resources Associated with The Preservation of Local Cultural Values in Nhon Ly Fishing Village (Quy Nhon)

Dương Thuý Quỳnh[1*]
[1] Khoa Du lịch, Trường Đại học Công nghệ Đông Á
*Email: quynhdt@eaut.edu.vn
Nghiêm Thu Trang[2]
[2]Hướng dẫn viên Tiếng Trung

TÓM TẮT

Du lịch cộng đồng (DLCĐ) tại làng chài Nhơn Lý (Quy Nhơn) đang phát triển mạnh mẽ nhưng đối mặt với thách thức lớn về chất lượng nguồn nhân lực và nguy cơ mai một bản sắc văn hóa. Nghiên cứu này đánh giá thực trạng năng lực của lực lượng lao động bản địa và đề xuất giải pháp đào tạo gắn liền với việc bảo tồn các giá trị văn hóa xứ Nẫu. Bằng phương pháp thu thập số liệu thứ cấp kết hợp phân tích nội dung dữ liệu trực tuyến theo hướng Netnography qua các đánh giá của du khách và hoạt động truyền thông tại hai làng chài, nghiên cứu chỉ ra rằng nhân lực DLCĐ tại đây vẫn mang tính tự phát. Điểm nghẽn lớn nhất là sự thiếu hụt kỹ năng chuyển đổi số, ngoại ngữ và đặc biệt là năng lực "diễn giải văn hóa" (storytelling) để lồng ghép các di sản (Bài Chòi, lễ hội Cầu ngư, ẩm thực biển) vào sản phẩm du lịch. Từ đó, nghiên cứu đề xuất khung đào tạo thực chiến "Cầm tay chỉ việc, lấy cộng đồng làm trung tâm" với các giải pháp trọng tâm: tích hợp module văn hóa bản địa vào chương trình đào tạo, tập huấn kỹ năng tiếp thị số tại chỗ và xây dựng cơ chế phối hợp nhằm phát triển du lịch bền vững và góp phần bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa địa phương.

Từ khóa: *Du lịch cộng đồng; Đào tạo nhân lực; Bảo tồn văn hóa; Làng chài Nhơn Lý, Nhân lực du lịch…*

ABSTRACT

Community-based tourism (CBT) in Nhon Ly fishing village (Quy Nhon) is experiencing robust growth but faces significant challenges regarding human resource quality and the risk of cultural identity erosion. This study assesses the current competency of the local workforce and proposes training solutions integrated with the preservation of the cultural values of the "Xu Nau" region. By employing a secondary data analysis combined with an online content analysis approach informed by Netnography—analyzing tourist reviews and media activities related to the fishing village—the research indicates that the CBT workforce in this area remains largely spontaneous. The primary bottlenecks are the lack of digital transformation skills, foreign language proficiency, and particularly the capacity for "cultural storytelling" to integrate local heritages (such as Bai Choi, the Whale Worship/Whale Welcoming Festival, and marine cuisine) into tourism products. Consequently, the study proposes a hands-on, "community-centered, on-the-job training" model focusing on core solutions: integrating local culture modules into training programs, providing on-site digital marketing training, and establishing a collaborative mechanism to foster sustainable tourism development while fully preserving local cultural identity.

Keywords: *Community-based tourism; Human resource training; Cultural preservation; Nhon Ly fishing village; 4C competency model.*

DOI: https://doi.org/10.65153/fkge0576
Journal of Science and Technology of East Asia University of Technology

1. Đặt vấn đề

1.1. Bối cảnh nghiên cứu

Trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của các quốc gia đang phát triển, du lịch cộng đồng (DLCĐ) không chỉ dừng lại ở một mô hình khai thác sinh kế mà đã trở thành công cụ để bảo tồn di sản và thúc đẩy sự thịnh vượng bền vững cho các vùng nông thôn, ven biển. Tại Việt Nam, xu hướng toàn cầu hóa và chuyển đổi số mạnh mẽ đang đặt ra những yêu cầu về việc tái cấu trúc ngành du lịch theo hướng thông minh, chuyên nghiệp và có năng lực cạnh tranh quốc tế. Chất lượng nguồn nhân lực lúc này trở thành yếu tố quan trọng, trong đó các tiêu chuẩn nghề nghiệp và khung năng lực do khu vực ASEAN hay UN Tourism đặt ra đang dần trở thành nguồn tham chiếu quan trọng cho mọi mô hình đào tạo.

Bước sang năm 2026, bức tranh du lịch Việt Nam chứng kiến một cơ hội liên kết khi tỉnh Gia Lai đăng cai Năm Du lịch quốc gia 2026. Sự kiện quy mô cấp quốc gia này không chỉ có ý nghĩa quảng bá cho khu vực Tây Nguyên mà còn mở ra không gian liên kết hành lang di sản liên vùng. Nó kết nối chặt chẽ chuỗi giá trị du lịch từ "biển bạc" duyên hải Nam Trung Bộ đến "rừng xanh" đại ngàn. Trong mạng lưới kết nối đó, thành phố biển Quy Nhơn (Bình Định) – với trọng điểm là làng chài Nhơn Lý – nổi lên như một cửa ngõ chiến lược. Nhơn Lý là làng du lịch cộng đồng đầu tiên của tỉnh Bình Định, sở hữu các giá trị văn hóa biển và các danh thắng nổi tiếng như Kỳ Co, Eo Gió. Từ một xã bãi ngang nghèo khó, Nhơn Lý đã chuyển mình mạnh mẽ nhờ dòng khách du lịch bùng nổ, trở thành một thực thể kinh tế du lịch năng động. [4; 7; 8].

Tuy nhiên, sự tăng trưởng nhanh chóng này cũng mang lại những hệ lụy mang tính quy luật. Thực tiễn cho thấy nguồn nhân lực DLCĐ tại đây phát triển chưa tương xứng, vẫn tồn tại những hạn chế lớn về kỹ năng nghề, ngoại ngữ và khả năng thích ứng số. Để đáp ứng được yêu cầu hội nhập toàn cầu và đóng góp xứng tầm vào bức tranh chung của du lịch vùng trong kỷ nguyên mới, việc chuẩn hóa năng lực cho cộng đồng làm du lịch tại Nhơn Lý đã trở thành một yêu cầu cần thiết.

1.2. Khoảng trống nghiên cứu

Mặc dù nhận được sự quan tâm lớn từ chính quyền qua các đồ án quy hoạch kiến trúc và định hướng phát triển hạ tầng, nhưng sự phát triển của Nhơn Lý vẫn đang đối mặt với một nghịch lý lớn: "thừa" tài nguyên thiên nhiên nhưng "thiếu" năng lực định vị giá trị bản sắc. Phần lớn các nghiên cứu và chương trình tập huấn hiện nay tại địa phương vẫn còn nặng về lý thuyết, chưa gắn đầy đủ với nhu cầu thực hành mà chưa thực sự lấy cộng đồng làm trung tâm [3].

Khoảng trống nghiên cứu lớn nhất hiện nay chính là sự thiếu vắng một mô hình đào tạo thực chiến có khả năng tích hợp đồng thời hai yếu tố: kỹ năng thích ứng số và năng

lực chuyển hóa văn hóa bản địa thành sản phẩm. Thực tế tại Nhơn Lý, các giá trị di sản của xứ Nẫu như nghệ thuật Bài Chòi, Lễ hội Cầu ngư, hay tri thức ẩm thực biển dường như đang bị đứt gãy trong chuỗi trải nghiệm của du khách. Người dân bản địa sở hữu di sản nhưng thiếu năng lực "kể chuyện văn hóa" (storytelling) và không có công cụ số để đưa câu chuyện đó đến với thế giới. Sự thiếu hụt các mô hình đào tạo tích hợp, mang tính "cầm tay chỉ việc" cho người ngư dân chuyển đổi nghề nghiệp chính là điểm nghẽn khiến DLCĐ Nhơn Lý chưa thể chạm tay vào các chuẩn mực chuyên nghiệp mang tính quốc tế.

1.3. Câu hỏi và mục tiêu nghiên cứu

Bốn câu hỏi nghiên cứu được đặt ra gồm: RQ1 - Thực trạng năng lực nhân lực DLCĐ Nhơn Lý qua phản ánh của du khách như thế nào? RQ2 - Mức độ đáp ứng so với tiêu chuẩn nghề du lịch ASEAN ra sao? RQ3 - Mô hình 4C được cấu trúc như thế nào để làm nền tảng phát triển năng lực? RQ4 - Khung đào tạo 7 module và cơ chế “5 nhà” cần được thiết kế ra sao để bảo đảm tính thực tiễn?

Nghiên cứu này được thực hiện với mục tiêu giải quyết trực diện điểm nghẽn nêu trên thông qua các nhiệm vụ chính:

Thứ nhất, nhận diện các khoảng trống năng lực và sự đứt gãy văn hóa trong thực trạng nhân lực DLCĐ Nhơn Lý bằng phương pháp khảo sát không gian mạng (Netnography) dựa trên chính trải nghiệm thực tế của du khách.

Thứ hai, làm rõ ý nghĩa của việc chuẩn hóa nhân lực gắn với bản sắc: Nghiên cứu không chỉ giúp tháo gỡ bài toán kinh tế ngắn hạn cho một địa phương, mà xa hơn, nó thiết lập một triết lý phát triển nhân lực bền vững. Việc chuẩn hóa nhân lực dựa trên gốc rễ bản sắc giúp bảo vệ cộng đồng trước nguy cơ bị mai một bản sắc và khai thác thiếu bền vững, biến người dân thành những chủ thể di sản có tri thức, có công cụ số và có khả năng tự chủ kinh tế.

Thứ ba, phác thảo hướng đi chiến lược cho bài viết: Trên cơ sở đối chiếu thực trạng với các tiêu chuẩn nghề quốc tế, nghiên cứu sẽ đề xuất áp dụng khung lý thuyết 4C (Culture - Competency - Connectivity - Co-creation) để tái định hình tư duy phát triển. Từ khung lý thuyết đó, tác giả cụ thể hóa bằng một giải pháp hành động mang tính thực chiến cao: Khung chương trình đào tạo tích hợp 7 Module và Cơ chế phối hợp Hệ sinh thái "5 nhà". Các đề xuất này mang tính ứng dụng và cần được tiếp tục kiểm chứng, giúp nhân lực làng chài Nhơn Lý tự tin bước vào chuỗi cung ứng du lịch chất lượng cao, hiện đại và hội nhập.

2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này áp dụng phương pháp hỗn hợp (mixed-methods), kết hợp giữa việc tổng hợp thông tin thứ cấp và phân tích định tính từ khảo sát không gian mạng. Cách

tiếp cận này giúp nhận diện thực trạng năng lực nguồn nhân lực một cách khách quan nhất dựa trên những trải nghiệm thực tế từ du khách.

2.1. Phương pháp thu thập dữ liệu thứ cấp

Dữ liệu thứ cấp trong nghiên cứu được thu thập một cách hệ thống từ các nguồn chính thống và có độ tin cậy cao giai đoạn 2022–2026, bao gồm:

Các báo cáo thống kê định kỳ của Sở Du lịch tỉnh Bình Định và UBND thành phố Quy Nhơn về lượt khách, doanh thu, cơ cấu lao động ngành du lịch tại xã Nhơn Lý.

Các văn bản quy hoạch pháp lý, đặc biệt là Đồ án "Bảo tồn và phát triển du lịch làng chài Nhơn Lý" [2] và các định hướng liên kết đào tạo nhân lực vùng duyên hải gắn với Năm Du lịch quốc gia 2026.

Các bài báo khoa học, công trình nghiên cứu đã xuất bản liên quan đến khung năng lực du lịch cộng đồng (DLCĐ) theo định hướng của UN Tourism [11] và bộ tiêu chuẩn nghề du lịch ASEAN [1] nhằm tạo cơ sở đối chiếu lý thuyết.

2.2. Phương pháp phân tích nội dung dữ liệu trực tuyến theo hướng Netnography

Để nắm bắt phản hồi thực tế của khách du lịch, nghiên cứu sử dụng phương pháp khảo sát không gian mạng (Netnography) từ tháng 01/2025 đến tháng 05/2026 trên các nền tảng số phổ biến. Tác giả tiến hành thu thập thông tin từ:

Quy trình xử lý dữ liệu gồm các bước: thu thập → sàng lọc → mã hóa → phân nhóm → phân tích → kiểm tra độ tin cậy. Đơn vị phân tích là phản hồi/bài viết trực tuyến phản ánh trải nghiệm của du khách, không phải đánh giá trực tiếp năng lực của toàn bộ người lao động.

500 phản hồi (reviews) của khách du lịch nội địa và quốc tế trên các trang đánh giá toàn cầu như TripAdvisor và Google Maps về chất lượng dịch vụ, lưu trú, ăn uống tại Nhơn Lý.

Các bài viết, bình luận và video có lượt tương tác cao trên các trang mạng xã hội đại diện cho địa phương gồm Fanpage "Làng Chài Nhơn Lý – Kỳ Co" [6], "Làng Chài Bích Họa Nhơn Lý" [5] và kênh TikTok làng chài.

Dữ liệu được sàng lọc để loại bỏ phản hồi trùng lặp, nội dung quảng cáo hoặc không liên quan đến trải nghiệm, cơ cấu mẫu gồm 65% khách nội địa, 35% khách quốc tế; 60% dữ liệu tiếng Việt và 40% dữ liệu tiếng Anh.

2.3. Phương pháp phân tích dữ liệu

Dữ liệu thu thập từ không gian mạng được xử lý bằng phương pháp phân tích nội dung đơn giản theo 3 nhóm chủ đề chính:

Các tỷ lệ 64%, 42% và 78% được tính trên tổng mẫu 500 phản hồi sau sàng lọc; hai nghiên cứu viên tiến hành mã hóa song song, với mức độ thống nhất liên mã hóa trên 85%.

Nhóm 1 - Kỹ năng nghề: Đánh giá thái độ phục vụ, kỹ năng giao tiếp và năng lực ngoại ngữ của người dân.

Nhóm 2 - Kỹ năng số: Đánh giá khả năng tương tác trực tuyến, sử dụng công nghệ và thanh toán điện tử của các cơ sở DLCĐ tại chỗ.

Nhóm 3 - Trải nghiệm văn hóa: Đánh giá mức độ hài lòng của du khách khi tiếp cận các di sản bản địa (Bài Chòi, ẩm thực, kiến trúc cổ) thông qua sự truyền tải của người dân địa phương.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Thực trạng và khoảng trống năng lực của nguồn nhân lực du lịch cộng đồng tại làng chài Nhơn Lý

Theo UBND xã Nhơn Lý [9], một bức tranh bùng nổ mạnh mẽ về mặt số lượng của lực lượng lao động trực tiếp và gián tiếp tham gia vào chuỗi cung ứng du lịch cộng đồng (DLCĐ) tại xã đảo Nhơn Lý. Tính đến đầu năm 2026, toàn xã đã ghi nhận hơn 400 hộ gia đình vận hành các mô hình kinh doanh dịch vụ homestay, nhà hàng ẩm thực biển, dịch vụ cano cao tốc chở khách và hướng dẫn khách tham quan trải nghiệm. Tuy nhiên, đằng sau những con số tăng trưởng cơ học vô cùng ấn tượng ấy, kết quả phân tích nội dung từ 500 phản hồi (reviews) của du khách trên không gian mạng đã bóc tách một thực trạng đáng lo ngại về chất lượng, đồng thời nhận diện sâu sắc những "khoảng trống năng lực" mang tính hệ thống của nguồn nhân lực tại chỗ thông qua hai khía cạnh cụ thể:

Thứ nhất, điểm nghẽn về kỹ năng nghề chuyên môn và tính tự phát trong dịch vụ. Dữ liệu Netnography từ hai nền tảng TripAdvisor và Google Maps chỉ ra một xu hướng phản hồi đáng chú ý. Một mặt, có 64% bình luận (320/500) của du khách trực tiếp đề cập và dành lời khen ngợi cho sự nhiệt tình, tính cách chân chất, mộc mạc và lòng hiếu khách của người dân làng chài Nhơn Lý. Đây là một điểm cộng rất lớn mang tính tài nguyên nhân văn cốt lõi của địa phương. Tuy nhiên, ở mặt ngược lại, có đến 42% du khách bày tỏ sự phàn nàn rõ ràng về tính thiếu chuyên nghiệp trong quy trình cung ứng dịch vụ thực tế. Các từ khóa xuất hiện với tần suất lặp lại cao trong nhóm chủ đề này bao gồm: "vận hành lúng túng", "dịch vụ mang tính tự phát", "thiếu quy chuẩn phục vụ phòng" và "vệ sinh chưa đồng bộ".

Những phản hồi này cho thấy các biểu hiện cho thấy phần lớn lực lượng lao động tại đây (với hơn 80% vốn là những ngư dân bãi ngang chuyển đổi nghề nghiệp sang làm du lịch do sự suy giảm nguồn lợi thủy sản cận bờ) đang phục vụ khách bằng bản năng,

thói quen sinh hoạt gia đình và kinh nghiệm cá nhân chứ chưa hề được trang bị các kỹ năng nghề du lịch tiêu chuẩn. Việc thiếu hụt kỹ năng đón tiếp, quy trình phục vụ bàn, kỹ thuật dọn buồng phòng sạch sẽ hay kỹ năng giải quyết các tình huống phát sinh đã vô tình tạo ra sự thiếu ổn định về mặt chất lượng dịch vụ của toàn điểm đến.

Thứ hai, một số hạn chế trong năng lực chuyển đổi số. Mặc dù không gian mạng hiện nay là kênh tiếp cận, tìm kiếm thông tin và ra quyết định chính của du khách, nhưng năng lực tương tác số của các chủ cơ sở DLCĐ tại Nhơn Lý lại đang ở thế yếu rõ rệt. Tiến hành phân tích các bình luận và tin nhắn trên hai trang mạng xã hội tiêu biểu là Fanpage "Làng Chài Nhơn Lý – Kỳ Co" [6] và "Làng Chài Bích Họa Nhơn Lý" [5], nghiên cứu nhận thấy tỷ lệ phản hồi các yêu cầu đặt phòng, giải đáp thắc mắc về giá cả hay lịch trình của khách hàng có trường hợp kéo dài trên 12 giờ. Du khách phản ánh họ gặp rất nhiều khó khăn khi tự tìm kiếm vị trí chính xác của các homestay trên định vị Google Maps do thông tin tọa độ không được cập nhật thường xuyên, đường đi vào các con ngõ dốc cổ kính lại lắt léo.

Hơn thế nữa, thói quen sử dụng tiền mặt vẫn là phương thức giao dịch phổ biến ở hầu hết các hộ kinh doanh nhỏ lẻ trong làng chài. Điều này gây ra sự bất tiện không nhỏ cho nhóm khách du lịch trẻ thế hệ Gen Z và Millennials – những người vốn đã quen với lối sống không tiền mặt và thanh toán quét mã QR. Người dân tại chỗ dường như đang đứng ngoài lề trong cuộc cách mạng làm chủ công nghệ; họ chủ yếu đóng vai trò là người thực hiện dịch vụ thô trực tiếp hơn là người chủ động tiếp thị số (Digital Marketing) để khai thác luồng khách tiềm năng trực tuyến.

Ý nghĩa của phát hiện này chỉ ra rằng, các biểu hiện hạn chế về kỹ năng chuyển đổi số không chỉ làm giảm sút năng lực cạnh tranh, dễ khiến các hộ kinh doanh cá thể phụ thuộc bởi các đơn vị lữ hành trung gian từ bên ngoài, mà còn làm chậm tiến trình xây dựng mô hình "điểm đến thông minh" của toàn tỉnh Bình Định. Điều này có thể làm giảm khiến các giá trị DLCĐ của Nhơn Lý bị định giá thấp và thiếu tính hiển thị trên bản đồ du lịch số toàn cầu.

3.2. Sự đứt gãy trong truyền tải văn hóa bản địa

Một phát hiện đáng chú ý từ kết quả khảo sát không gian mạng chính là mức độ hạn chế trong chuỗi giá trị và trải nghiệm văn hóa của du khách khi đến với Nhơn Lý. Qua phân tích nội dung từ 500 reviews, có đến 78% du khách đưa ra nhận định rằng hành trình trải nghiệm của họ tại Nhơn Lý chỉ đơn điệu gói gọn trong các hoạt động thuần túy mang tính giải trí thô bao gồm: "đi cano ra bãi Kỳ Co tắm biển", "chụp ảnh check-in ở Eo Gió" và "ăn hải sản tươi sống tại các nhà hàng ven biển". Các từ khóa đại diện cho chiều sâu trầm tích văn hóa vật thể và phi vật thể của địa phương như "Bài Chòi", "Lễ hội Cầu ngư", "sự tích Cá Ông" hay "kiến trúc dốc đá Làng cổ" xuất hiện với tần suất

thấp trong tâm trí của khách, hoặc nếu có xuất hiện thì cũng chỉ được nhắc đến như những phông nền trang trí mờ nhạt, thiếu sinh khí ở các bức tường bích họa dọc lối đi.

Phát hiện thực tế này phản ánh một nghịch lý: nguồn nhân lực DLCĐ tại Nhơn Lý đang sở hữu một nguồn tài nguyên văn hóa của vùng đất "xứ Nẫu" nhưng lại hoàn toàn bất lực trong việc chuyển hóa di sản tinh thần đó thành tài sản du lịch có giá trị kinh tế cao. Một vấn đề cần quan tâm nằm ở năng lực storytelling (kể chuyện văn hóa). Người dân bản địa thuộc nằm lòng phong tục của làng mình, biết rõ mùa nào biển động, mùa nào có lễ hội, nhưng họ lại thiếu hụt kỹ năng giao tiếp sư phạm, thiếu tư duy biên dịch văn hóa để lồng ghép các tích truyện về vị thần cá Voi, về những câu hát Bài Chòi mộc mạc vào không gian bữa ăn hay hành trình chèo thuyền đồng hành cùng khách. Sự chân thành và hiếu khách đơn thuần chưa đủ để khỏa lấp khoảng trống về mặt tri thức trải nghiệm này cho du khách.

Ý nghĩa của phát hiện này gợi ý một vấn đề cần lưu ý: Du lịch Nhơn Lý đang có nguy cơ tập trung quá mức vào khai thác tài nguyên tự nhiên, tức là chỉ tập trung khai thác cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên sẵn có cho đến khi bão hòa, trong khi bỏ quên yếu tố cốt lõi tạo nên tính bền vững là bản sắc văn hóa độc bản. Sự đứt gãy này nếu kéo dài sẽ dẫn đến hệ lụy kép nguy hại: du khách cảm thấy dịch vụ đơn điệu, không có lý do để quay trở lại lần hai; đồng thời, chính thế hệ trẻ tại làng chài sẽ dần xa rời và giảm gắn kết với di sản của cha ông vì không nhìn thấy được giá trị kinh tế hay sinh kế bền vững mà văn hóa mang lại. Kết quả này hoàn toàn tương thích với nghiên cứu của Vu [10] về nguy cơ tổn thương và xói mòn văn hóa khi cộng đồng bản địa tham gia vào làn sóng du lịch đại chúng một cách thụ động, thiếu định hướng.

3.3. Khoảng cách giữa thực trạng và tiêu chuẩn nghề du lịch ASEAN

Khi tiến hành đối chiếu một cách khách quan những phát hiện thực tế tại làng chài Nhơn Lý với Khung tiêu chuẩn nghề du lịch ASEAN cũng như các khuyến nghị về quản trị điểm đến của Tổ chức Du lịch Thế giới (UN Tourism) [11], nghiên cứu đã nhận diện được một số khoảng cách năng lực (competency gaps) cần ưu tiên, thể hiện chi tiết qua bảng đối sánh dưới đây:

Bảng 1. Đối sánh thực trạng năng lực nhân lực Nhơn Lý và tiêu chuẩn nghề du lịch ASEAN

Tiêu chuẩn nghề ASEAN [1]	**Thực trạng năng lực nhân lực Nhơn Lý**	**Khoảng cách năng lực (Gaps)**
Năng lực ngôn ngữ & giao tiếp đa văn hóa: Giao tiếp thành thạo tiếng Anh cơ bản, hiểu biết tâm	Trên 90% người dân lao động tại chỗ không thể nói tiếng Anh. Việc tương tác hoàn toàn phụ thuộc vào cử chỉ, ký hiệu (body	Tạo ra rào cản ngôn ngữ tuyệt đối, hạn chế khả năng tiếp cận và khai thác thị trường khách quốc tế

lý và tôn trọng hành vi của khách quốc tế.	language) hoặc phần mềm dịch tự động trên điện thoại.	chất lượng cao, có mức chi tiêu lớn.
Kỹ năng vận hành dịch vụ tiêu chuẩn: Tuân thủ quy trình vệ sinh an toàn thực phẩm, quản lý buồng phòng homestay bài bản, có năng lực xử lý khủng hoảng tại chỗ.	Vận hành dịch vụ dựa trên thói quen sinh hoạt gia đình, mang tính tự phát, tùy tiện và thiếu sự đồng bộ giữa các hộ kinh doanh.	Chưa đạt chuẩn chất lượng dịch vụ tối thiểu để có thể liên kết một cách bền vững vào chuỗi cung ứng của các đơn vị lữ hành quốc tế.
Tư duy du lịch xanh & bền vững: Thực hành tốt việc tiết kiệm năng lượng, giảm thiểu rác thải nhựa đại dương, bảo vệ sinh thái biển và rạn san hô tại chỗ.	Người dân chưa có ý thức và kỹ năng phân loại rác tại nguồn; áp lực rác thải nhựa đại dương sinh ra từ hoạt động lữ hành và các cano du lịch tự phát còn rất lớn.	Nguy cơ xảy ra xung đột lợi ích gay gắt giữa mục tiêu tăng trưởng kinh tế ngắn hạn và nhiệm vụ bảo tồn tài nguyên môi trường lâu dài.

(Nguồn: Tác giả tổng hợp từ dữ liệu trực tuyến và bộ tiêu chuẩn nghề du lịch ASEAN 2026[1])

Ý nghĩa của việc chỉ ra một cách chi tiết khoảng cách năng lực này là nhằm thức tỉnh các nhà quản lý, hoạch định chính sách du lịch tại địa phương. Làng chài Nhơn Lý sẽ gặp khó khăn trong kết nối và hội nhập và đón đầu cơ hội từ hành lang liên vùng của Năm Du lịch quốc gia 2026 nếu cứ mãi giữ nguyên một lực lượng lao động phục vụ khách quốc tế bằng tư duy du lịch tự cấp tự túc, theo kiểu "chân lội nước mặn, tay chèo thuyền thúng". Việc nhìn nhận rõ ràng khoảng cách này chính là cơ sở dữ liệu khoa học, là cơ sở thực tiễn để bài viết đề xuất các mô hình lý thuyết mới và giải pháp đào tạo thực chiến mang tính đồng bộ ở phần tiếp theo.

4. Thảo luận và đề xuất giải pháp

4.1. Thảo luận

Các phát hiện từ thực tế khảo sát không gian mạng tại làng chài Nhơn Lý không đơn thuần là những con số thống kê về sự phàn nàn của du khách; chúng phản ánh một quy luật tất yếu mang tính cấu trúc trong quản trị du lịch cộng đồng (DLCĐ). Câu hỏi cốt lõi không phải là *"Nhân lực Nhơn Lý đang thiếu hụt những kỹ năng gì?"* mà phải là *"Tại sao sự bùng nổ về mặt kinh tế và lượt khách lại tỷ lệ nghịch với năng lực số cũng như năng lực văn hóa của người dân địa phương?"*.

Sự đứt gãy trong truyền tải di sản xứ Nẫu và khoảng cách so với chuẩn nghề ASEAN [1] thực chất là hệ quả của tư duy đào tạo kiểu cũ – nơi người dân bị xem là đối tượng thụ động được "ban phát" tri thức thay vì là chủ thể cốt lõi đồng sáng tạo. Để bứt phá khỏi nguy cơ khai thác thiếu chiều sâu văn hóa, dịch chuyển từ việc bán tài nguyên thiên nhiên sẵn có (nắng, gió, biển) sang bán trải nghiệm tri thức có chiều sâu, việc tái cấu trúc tư duy phát triển nhân lực là yêu cầu quan trọng. Điều này đặc biệt quan trọng trong bối cảnh liên kết vùng hướng tới Năm Du lịch quốc gia 2026, nơi Nhơn Lý đóng vai trò là cửa ngõ đón luồng khách chất lượng cao từ hành lang Tây Nguyên - Duyên hải miền Trung.

4.2 Đề xuất giải pháp

4.2.1. Đề xuất mô hình 4C (Culture - Competency - Connectivity - Co-creation)

Từ các khoảng trống được nhận diện tại Nhơn Lý, nghiên cứu đề xuất áp dụng Mô hình lý thuyết 4C. Đây không chỉ là một khung lý thuyết trừu tượng, mà là hệ điều hành chiến lược định hình lại toàn bộ năng lực hành vi của cộng đồng làm du lịch:

Trong cấu trúc 4C, Culture là nền tảng giá trị; Competency là trụ cột thực hành và chuẩn hóa; Connectivity là cơ chế kết nối số và mạng lưới; Co-creation là quá trình đồng sáng tạo có sự tham gia của cộng đồng.

Culture (Văn hóa): Lấy bản sắc văn hóa làm gốc rễ. Văn hóa bản địa (Bài Chòi, lễ hội Cầu ngư, ẩm thực) được xem là tài nguyên cốt lõi cấu thành nên giá trị độc bản của sản phẩm du lịch. Nhân lực tại chỗ phải được đánh thức lòng tự hào và năng lực nhận diện di sản để trở thành những "đại sứ văn hóa" thực thụ.

Competency (Năng lực): Khung năng lực của người dân cần được chuẩn hóa đồng bộ. Năng lực không chỉ dừng lại ở kỹ năng nghề cơ bản (như dọn phòng, nấu ăn) mà cần được phát triển phù hợp với các tiêu chuẩn nghề du lịch ASEAN [1], biến kinh nghiệm tự phát thành kỹ năng dịch vụ chuyên nghiệp.

Connectivity (Kết nối): Khái niệm kết nối ở đây bao hàm hai tầng nghĩa. Đầu tiên là kết nối số – đưa hình ảnh, dịch vụ của người dân hiển thị mạnh mẽ trên không gian mạng. Thứ hai là kết nối hạ tầng và luồng khách – gắn hành lang du lịch biển Quy Nhơn với mạng lưới lữ hành liên vùng trong kỷ nguyên số.

Co-creation (Đồng sáng tạo): Cộng đồng địa phương không còn làm du lịch đơn độc mà cùng các bên liên quan (nhà trường, doanh nghiệp) đồng thiết kế, đồng vận hành các gói trải nghiệm văn hóa, đảm bảo lợi ích kinh tế được phân phối công bằng đến từng ngõ xóm.

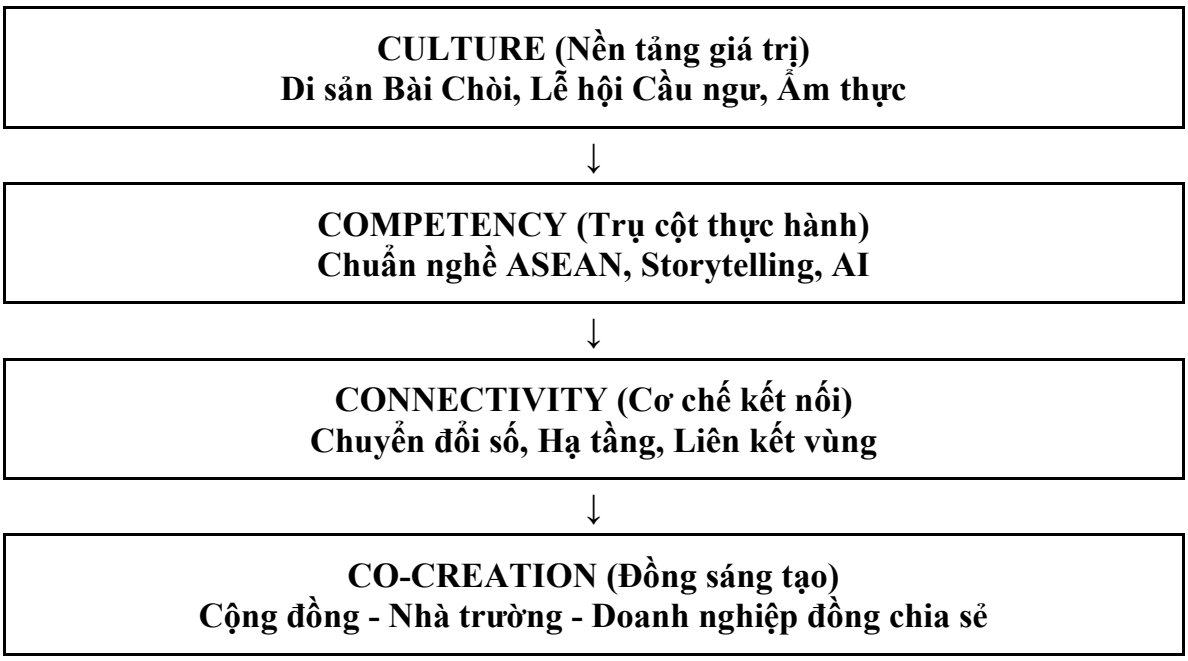

Hình 1. Sơ đồ Mô hình lý thuyết 4C trong phát triển nhân lực DLCĐ

(Nguồn: Tác giả, 2026)

4.2.2. Thiết kế khung chương trình đào tạo thực chiến tích hợp

Từ hệ khung lý thuyết 4C, nghiên cứu cụ thể hóa thành một chiến lược hành động toàn diện thông qua khung đào tạo thực chiến áp dụng cho cư dân Nhơn Lý. Chương trình được thiết kế theo triết lý "Cầm tay chỉ việc, lấy cộng đồng làm trung tâm", phân tách thành 3 khối cấu phần năng lực mang tính tương hỗ chặt chẽ:

Bảng 2. **Liên kết khoảng trống năng lực và 7 module**

Khoảng trống năng lực	Thành tố 4C	Module đào tạo
Hạn chế truyền tải di sản	Culture	Module 1–2
Hạn chế tương tác số	Connectivity	Module 3–4
Thiếu ngoại ngữ/chuẩn nghề	Competency	Module 5–6
Yêu cầu môi trường	Co-creation	Module 7

(Nguồn: Tác giả, 2026)

- *Khối 1: Khối Năng lực Bản sắc & Storytelling (Nền tảng gốc rễ)*

Module 1 - Văn hóa, di sản làng chài Nhơn Lý: Module này không giảng dạy lịch sử theo lối hàn lâm, mà tập trung hệ thống hóa các tri thức bản địa thành cẩm nang ứng dụng. Người dân sẽ được tái học tập về giá trị tinh thần của Lễ hội Cầu ngư, nghệ thuật hát Bài Chòi xứ Nẫu và chiều sâu của tri thức ẩm thực biển. Điều này giúp nâng cao lòng tự hào và nhận thức di sản của cộng đồng.

Module 2 - Kỹ năng Storytelling (Kể chuyện văn hóa): Đây là công cụ chuyển hóa di sản thành tài sản. Module tập trung huấn luyện người dân kỹ năng giao tiếp ứng xử,

phương pháp lồng ghép những câu chuyện dân gian, những biến động lịch sử của làng chài cổ vào các hoạt động thực tế như khi chèo thuyền, phục vụ bàn, hay đón khách vào homestay. Câu chuyện chính là thứ giữ chân khách và tạo ra giá trị gia tăng kinh tế.

- *Khối 2: Khối Năng lực Số & Công nghệ (Công cụ chuyển đổi số)*

Module 3 - Tiếp thị số và bán hàng trên không gian mạng: Khắc phục trực diện "điểm nghẽn" phản hồi chậm và thiếu hiển thị. Module hướng dẫn thực hành cách định vị tọa độ homestay trên Google Maps, xây dựng và quản trị nội dung trên Fanpage Facebook, kỹ thuật quay video ngắn trên TikTok để thu hút luồng khách du lịch tự túc.

Module 4 - Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong cá nhân hóa trải nghiệm du khách: Trang bị cho nhóm lao động trẻ tại địa phương cách sử dụng các công cụ AI đơn giản (như ChatGPT, Canva) để tự động soạn thảo nội dung quảng bá, lên lịch trình tour cá nhân hóa cho khách quốc tế và thiết kế hình ảnh tiếp thị chuyên nghiệp mà không tốn chi phí thuê ngoài. Với các ngư dân lớn tuổi, nội dung đào tạo được thiết kế theo hướng sử dụng các công cụ AI đơn giản, dễ thao tác và có sự hỗ trợ của lực lượng trẻ, nhằm bảo đảm mọi thành viên trong cộng đồng đều có thể tham gia vào quá trình chuyển đổi số của du lịch địa phương.

- *Khối 3: Khối Năng lực Hội nhập & Bền vững (Chuẩn quốc tế)*

Module 5 - Ngoại ngữ giao tiếp ứng dụng (Tiếng Anh du lịch cộng đồng): Phá bỏ rào cản ngôn ngữ tuyệt đối bằng phương pháp học tiếng Anh theo tình huống. Người dân được tập huấn các mẫu câu giao tiếp trực diện theo từng nghề nghiệp: tài xế cano hướng dẫn an toàn thủy nội địa, chủ homestay làm thủ tục check-in/check-out, người phục vụ giải thích về thành phần món ăn.

Module 6 - Kỹ năng dịch vụ theo chuẩn nghề du lịch ASEAN: Chuẩn hóa quy trình vận hành buồng phòng, vệ sinh an toàn thực phẩm, kỹ thuật phục vụ bàn ăn và kỹ năng xử lý khủng hoảng tại chỗ, giúp dịch vụ Nhơn Lý tương thích với các chuỗi lữ hành chuyên nghiệp.

Module 7 - Thực hành du lịch xanh và bảo tồn môi trường biển (Vita Green): Giáo dục năng lực sinh thái thông qua các hành động thực tế: phân loại rác thải tại nguồn, quy trình giảm thiểu rác thải nhựa đại dương trong kinh doanh du lịch, và phương thức bảo tồn rạn san hô khi dẫn khách lặn biển.

4.2.3. Cơ chế phối hợp "5 nhà" nhằm xây dựng hệ sinh thái đào tạo bền vững

Một khung chương trình xuất sắc sẽ mãi nằm trên giấy nếu thiếu đi một bộ máy vận hành có tính cam kết cao. Nghiên cứu đề xuất nâng cấp mô hình liên kết truyền thống thành **Hệ sinh thái phối hợp "5 nhà"**, trong đó mỗi bên giữ một vai trò mắt xích

không thể tách rời để giải quyết bài toán cốt lõi: *"Làm sao để duy trì động lực học tập và thực hành bền vững cho người dân?"*:

Nhà nước (Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định, Sở Du lịch): Giữ vai trò "nhạc trưởng" định hướng vĩ mô. Nhà nước chịu trách nhiệm quy hoạch không gian DLCĐ Nhơn Lý, tài trợ ngân sách từ các quỹ phát triển nông thôn mới hoặc ngân sách đào tạo nghề địa phương, ban hành chính sách ưu đãi thuế cho các hộ kinh doanh xanh và thiết lập bộ tiêu chí công nhận "Homestay văn hóa đạt chuẩn".

Nhà trường (Các cơ sở đào tạo, Đại học, Cao đẳng du lịch liên vùng): Đóng vai trò là đơn vị chuyển giao tri thức. Nhà trường không giảng dạy tại giảng đường mà trực tiếp cử các chuyên gia, giảng viên có kinh nghiệm xuống tận làng chài, biên soạn tài liệu song ngữ mộc mạc và trực tiếp "cầm tay chỉ việc", giảng dạy các Module ngay tại không gian sinh hoạt, làm việc thực tế của cư dân.

Doanh nghiệp (Lữ hành / Doanh nghiệp số): Đóng vai trò là cầu nối thị trường và công nghệ. Các hãng lữ hành lớn đưa ra đơn đặt hàng đào tạo, cam kết "bao tiêu" nguồn khách, định hướng dòng khách từ Năm Du lịch quốc gia 2026 về trải nghiệm tại Nhơn Lý sau khi cộng đồng được chuẩn hóa. Các doanh nghiệp công nghệ hỗ trợ xây dựng nền tảng, cài đặt hệ thống quản lý phòng và cổng thanh toán QR miễn phí cho người dân.

Cộng đồng địa phương (Nhà dân): Là chủ thể thực hành, giữ vai trò cốt lõi trong vận hành và giữ gìn văn hóa bản địa; đồng thời có quyền tham gia quyết định nội dung văn hóa được lựa chọn và cách thức diễn giải trong sản phẩm du lịch. Người dân cam kết tham gia đầy đủ các module học tập, chung tay giữ gìn không gian làng cổ sạch đẹp, văn minh và là người trực tiếp thụ hưởng thành quả kinh tế một cách công bằng.

Chuyên gia / Hiệp hội nghề nghiệp (Tiêu biểu như Liên chi hội Đào tạo Du lịch Việt Nam VITEA hoặc các hội nghề nghiệp địa phương): Đây là mắt xích kiểm soát chất lượng độc lập – Các hiệp hội đóng vai trò giám sát tiến độ, thẩm định chất lượng đầu ra một cách khách quan theo tiêu chuẩn nghề nghiệp và trực tiếp cấp chứng nhận năng lực thực chiến ngắn hạn cho cư dân. Sự hiện diện của hiệp hội nghề nghiệp giúp nâng tầm giá trị chứng nhận của người dân, biến họ từ những lao động tự phát thành những kỹ thuật viên du lịch cộng đồng chuyên nghiệp được xã hội công nhận chính thức.

Sự vận hành đồng bộ của hệ sinh thái "5 nhà" dựa trên triết lý 4C chính là lời giải toàn diện cho bài toán nhân lực tại Nhơn Lý, tạo ra một hình mẫu bền vững về việc phát triển du lịch hiện đại nhưng gắn với bảo tồn và phát huy bản sắc địa phương.

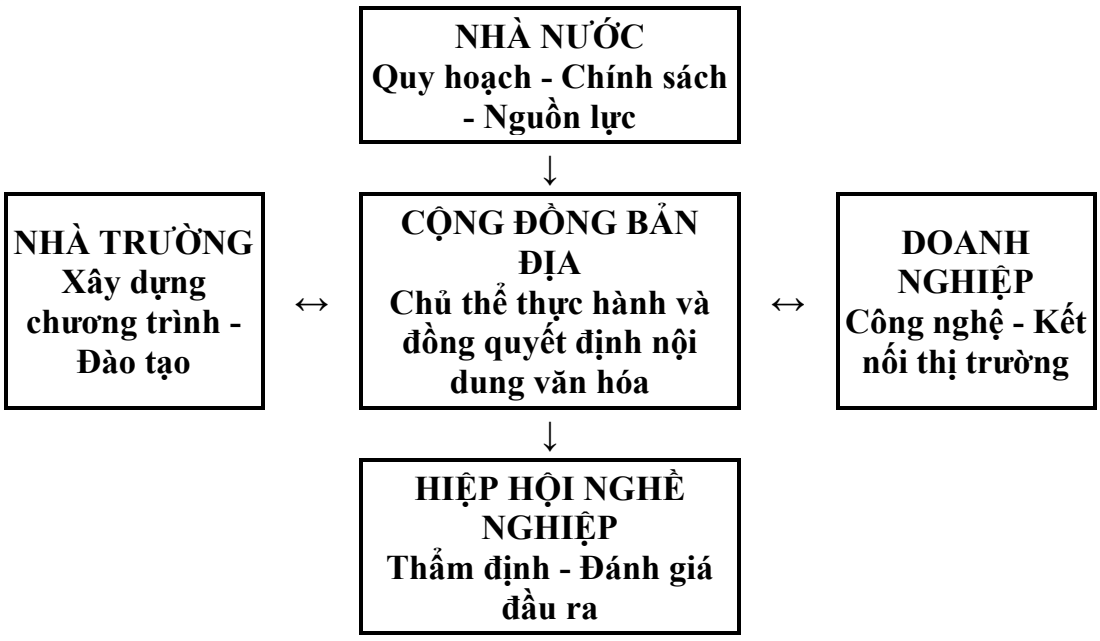

Hình 2. **Cơ chế phối hợp Hệ sinh thái "5 nhà" trong triển khai đào tạo**

(Nguồn: Tác giả, 2026)

5. Kết luận và hàm ý cho các nghiên cứu trong tương lai

5.1. Kết luận

Mô hình phát triển du lịch cộng đồng (DLCĐ) tại làng chài Nhơn Lý không thể tiếp tục dựa vào việc khai thác các tài nguyên thiên nhiên thô một cách tự phát và thiếu định hướng. Nghiên cứu này, thông qua phương pháp khảo sát không gian mạng (Netnography), cho thấy rằng chất lượng nguồn nhân lực tại chỗ mới là chìa khóa quyết định tính bền vững của điểm đến. Việc nâng cấp năng lực toàn diện cho người ngư dân chuyển đổi nghề nghiệp bằng việc ứng dụng Mô hình lý thuyết 4C (Culture - Competency - Connectivity - Co-creation) là một hướng giải pháp được đề xuất.

Khi khung đào tạo thực chiến tích hợp 7 Module được vận hành đồng bộ bởi Cơ chế phối hợp Hệ sinh thái "5 nhà", Nhơn Lý có thể góp phần giảm các "điểm nghẽn" về kỹ năng số và hạn chế về ngoại ngữ, mà còn nâng cao năng lực nhận diện, diễn giải và truyền thông các giá trị văn hóa bản địa (Bài Chòi, lễ hội Cầu ngư, ẩm thực biển). Đây là một hướng chuẩn bị giúp nhân lực địa phương bắt kịp các tiêu chuẩn quốc tế của khu vực ASEAN, sẵn sàng kết nối vào chuỗi giá trị liên vùng hướng tới Năm Du lịch quốc gia 2026.

5.2. Hàm ý cho các nghiên cứu trong tương lai

Phát hiện của nghiên cứu này mở ra những hướng tiếp cận mới và đóng vai trò gợi mở cho các học giả, nhà nghiên cứu du lịch trong giai đoạn tiếp theo:

Về mặt phương pháp luận: Phương pháp Netnography (Dân tộc học trực tuyến) cần được ứng dụng rộng rãi và sâu sắc hơn trong các nghiên cứu đánh giá năng lực nhân lực DLCĐ vùng ven biển. Việc cào và phân tích dữ liệu từ các phản hồi thời gian

thực (real-time) của du khách trên không gian mạng sẽ giúp thay thế dần các phương pháp khảo sát định lượng bằng bảng hỏi truyền thống vốn dễ mang tính khiên cưỡng, giúp các nhà quản lý nắm bắt chính xác mạch đập và những biểu hiện từ trải nghiệm du khách.

Về mặt nội dung nghiên cứu: Đề tài này đặt ra những bài toán khoa học mới mang tính định lượng cho các nghiên cứu tiếp theo. Cụ thể, các nghiên cứu tương lai có thể tập trung xây dựng hệ chỉ số để lượng hóa giá trị kinh tế của năng lực "kể chuyện văn hóa" (storytelling) trong DLCĐ, hoặc thiết lập bộ tiêu chí đánh giá mức độ "tích hợp số" của các cộng đồng làng nghề du lịch biển. Đây sẽ là những mảnh đất học thuật màu mỡ cho các đề tài khoa học cấp quốc gia, đóng góp vào sự phát triển chung của ngành khoa học du lịch Việt Nam trong kỷ nguyên hội nhập toàn cầu.

5.3. Hạn chế của nghiên cứu

Dữ liệu trực tuyến có thể chịu thiên lệch lựa chọn và không đại diện cho toàn bộ du khách; phản hồi của khách phản ánh trải nghiệm dịch vụ nên khó suy luận trực tiếp về năng lực thực tế của toàn bộ người lao động. Nghiên cứu chưa thực hiện phỏng vấn sâu và khảo sát trực tiếp cộng đồng; vì vậy, các nghiên cứu tiếp theo cần bổ sung dữ liệu thực địa để kiểm chứng mô hình và tính khả thi của các module đào tạo.

Tài liệu tham khảo

1. ASEAN Secretariat (2018). *Handbook of ASEAN mutual recognition arrangement on tourism professionals*, 2nd ed., ASEAN Secretariat, Jakarta. Website: https://asean.org/wp-content/uploads/2012/05/ASEAN-MRA-TP-Handbook-2nd-Edition-2018.pdf

2. Cục Du lịch Quốc gia Việt Nam (2025). *Phê duyệt đồ án "Bảo tồn và phát triển du lịch làng chài Nhơn Lý",* Website: https://vietnamtourism.gov.vn/post/34613

3. Đào, V. (2023). *Chú trọng phát triển du lịch làng chài*, Diễn đàn Doanh nghiệp [online], Website: https://diendandoanhnghiep.vn/chu-trong-phat-trien-du-lich-lang-chai-10059929.html

4. Đoan, N. (2024). *Trải nghiệm du lịch cộng đồng Nhơn Lý (Bình Định) mời gọi*, Chuyên trang quảng bá du lịch nông thôn [online], Website: https://nongthon.vietnamtourism.gov.vn/trai-nghiem-du-lich-cong-dong-nhon-ly-binh-dinh-moi-goi/

5. Làng Chài Bích Họa Nhơn Lý (n.d.). Trang thông tin cộng đồng Làng Chài Bích Họa Nhơn Lý, Facebook [online], Website: https://www.facebook.com/langchaibichhoanhonly/

6. Làng Chài Nhơn Lý – Kỳ Co (n.d.). Trang truyền thông du lịch Làng Chài Nhơn Lý – Kỳ Co, Facebook [online], Website: https://www.facebook.com/langchainhonly/?locale=vi_VN

7. Nguyễn, C. N. (2020). *Nhơn Lý với tiềm năng du lịch khởi sắc*, Nhân Dân [online], Website:https://nhandan.vn/nhon-ly-voi-tiem-nang-du-lich-khoi-sac-post623942.html

8. Nguyễn, T. T. D. (2025). *Nét duyên làng chài Nhơn Lý, làng du lịch cộng đồng đầu tiên ở Bình Định*, Người Đưa Tin [online], Website: https://www.nguoiduatin.vn/net-duyen-lang-chai-nhon-ly-lang-du-lich-cong-dong-dau-tien-o-binh-dinh-204250605162316292.htm

9. UBND xã Nhơn Lý (2026). *Báo cáo tổng kết hoạt động du lịch giai đoạn 2022–2025 và phương hướng phát triển năm 2026*, Báo cáo nội bộ.

10. Vu, M. C. (2020). *Alienation of ethnic minorities in community-based tourism*, Current Issues in Tourism [online], Tập 23, Số 21, tr. 2649–2665, Website: https://doi.org/10.1080/13683500.2020.1733942

11. World Tourism Organization (UN Tourism) (2024). *International tourism highlights,* 2024 edition, Website: https://doi.org/10.18111/9789284425808